

Số: *411* /BC-UBND

Vạn Ninh, ngày *01* tháng *10* năm 2021

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Vạn Khánh năm 2021

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi Khoản 4, Điều 2, Chương I, Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020;

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Vạn Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và đề nghị của Đoàn thẩm tra đánh giá cụ thể mức độ đạt từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới của các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Vạn Ninh tại Biên bản cuộc họp ngày 30/9/2021 về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét công nhận xã Vạn Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và tình hình thực hiện các tiêu chí nông thôn mới đối với xã Vạn Khánh năm 2021 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA.

Thời gian thẩm tra: Từ 14h00 đến 16h00 ngày 30/9/2021.

1. Về hồ sơ:

Thành phần hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 của xã Vạn Khánh bao gồm:

- Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh về việc đề nghị xét công nhận xã Vạn Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021;

- Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới năm 2021;

- Báo cáo số 240/BC-UBND ngày 14/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh về tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm 2021;

- Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 15/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh về Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2021 của xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa;

- Biên bản cuộc họp ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh về việc đề nghị xét, công nhận xã Vạn Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021;

- Hồ sơ chứng minh đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới và hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Vạn Khánh.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và đã tổ chức thực hiện quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Quy hoạch nông thôn mới của xã Vạn Khánh giai đoạn 2012-2020 được Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 22/11/2012.

- Các bản vẽ quy hoạch (*Quy hoạch chung, quy hoạch giao thông tỷ lệ 1/2000*) được công bố và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh vào tháng 12/2012.

- Quy chế quản lý quy hoạch được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 17/9/2015.

- Việc cấm mốc chỉ giới quy hoạch giao thông những tuyến đường chính (*liên xã, liên thôn*) đi qua địa bàn xã được thực hiện xong tháng 8/2017.

- Hiện nay, Quy hoạch xây dựng nông thôn xã Vạn Khánh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh phê duyệt Dự toán và Đề cương nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 30/6/2021.

- *Kinh phí đã thực hiện:* 400 triệu đồng.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Quy hoạch.

2.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Tỷ lệ km đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 70%.

- Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100% (70% cứng hóa).

- Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 70%.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- *Các nội dung đã thực hiện:* Từ năm 2011 đến năm 2021 đã đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp 48 tuyến đường giao thông dài 24,955 km.

- *Khối lượng thực hiện:*

+ Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 11,977 km/11,977 km, tỷ lệ đạt 100%.

+ Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 13,017 km/13,017 km đạt 100%.

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa là 8,780 km/9,892 km đạt 88,76%.

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm là 4,880 km/5,260 km đạt 92,77%.

- *Kinh phí đã thực hiện:* 46.887 triệu đồng.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Giao thông.

2.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt $\geq 80\%$.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Các nội dung đã thực hiện:* Đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới 27 tuyến kênh với tổng chiều dài 12,959 km, cụ thể như sau:

- *Khối lượng thực hiện:*

+ 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động.

+ Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

- *Kinh phí đã thực hiện:* 11.875 triệu đồng

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí Thủy lợi.

2.4. Tiêu chí số 04: Điện.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Các nội dung đã thực hiện:* Căn cứ vào tình hình thực tế về hệ thống điện trên địa bàn, địa phương kiến nghị đề xuất ngành điện quản lý cải tạo đầu tư để đảm bảo nguồn điện an toàn, ổn định cung cấp phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

- *Khối lượng thực hiện:*

+ Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện:

* Trên địa bàn xã Vạn Khánh có tổng cộng 09 trạm biến áp phân phối. Trong đó: Có 04 trạm biến áp 3 pha, 05 trạm biến áp 1 pha.

* Đường dây trung thế dài 3,560 km đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

* Đường dây hạ thế dài 10,060 km đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

* Hệ thống điện lưới gồm: Cột điện, móng cột, dây điện, vật liệu xà, công tơ điện, sứ cách điện và các thiết bị đóng cắt đều đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí Điện.

2.5. Tiêu chí số 05 về Trường học.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia đạt $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:* Trên địa bàn xã Vạn Khánh có 04 trường học gồm: 01 trường Mầm non, 02 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở, địa phương phối hợp cùng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện để thực hiện đáp ứng đạt chuẩn các trường theo quy định.

- *Khối lượng thực hiện:*

+ Trường Mầm non Vạn Khánh đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ Trường Tiểu học Vạn Khánh 1 đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ Trường Tiểu học Vạn Khánh 2 đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia tại Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 01/7/2015. Đồng thời được đầu tư xây dựng thêm các hạng mục cơ sở vật chất, mua sắm các trang thiết bị để giữ vững mức độ đạt chuẩn.

- *Kinh phí thực hiện:* 21.894 triệu đồng.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí Trường học.

2.6. Tiêu chí số 06: Cơ sở vật chất văn hóa.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng là 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Được thành lập tại Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh; hoạt động theo Quy chế được ban hành theo Quyết định số 747/QĐ/UBND ngày 11/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh. Năm 2021, xã Vạn Khánh đầu tư xây dựng Nhà văn hóa xã kết hợp làm hội trường UBND xã với diện tích 362 m², sức chứa 200 chỗ ngồi, có trang thiết bị đảm bảo theo yêu cầu; khu thể thao xã có diện tích 01 ha.

- Nhà văn hóa thôn: Hiện tại 08 thôn đều có nhà văn hóa thôn, mỗi nhà văn hóa thôn có sức chứa 60 chỗ ngồi, có đầy đủ âm thanh thiết bị theo quy định; có Ban chủ nhiệm nhà văn hóa thể thao thôn và có quy chế hoạt động được phê duyệt, cơ bản phục vụ nhu cầu hoạt động của cộng đồng dân cư trong thôn.

- Khu thể thao thôn: Thôn Nhơn Thọ sinh hoạt thể thao tại Khu thể thao xã, 07 thôn còn lại đều có khu thể thao thôn, phục vụ nhu cầu sinh hoạt thể dục, thể thao của nhân dân.

- *Kinh phí thực hiện:* 9.257 triệu đồng.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đúng quy định.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:* Xã Vạn Khánh được UBND tỉnh thống nhất sử dụng Chợ Tu Bông (trên địa bàn xã Vạn Phước) để đánh giá tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Chợ Tu Bông có đủ công trình kỹ thuật, công tác điều hành, quản lý chợ được thực hiện tốt đáp ứng nhu cầu trao đổi mua bán của nhân dân trong và ngoài địa phương.

- *Khối lượng thực hiện:*

+ UBND xã Vạn Phước thành lập Tổ quản lý chợ và được kiện toàn theo tình hình nhân sự. Năm 2020, Tổ quản lý chợ được kiện toàn theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND xã Vạn Phước.

+ Nội quy chợ được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 06/8/2009. Phương án phòng cháy chữa cháy chợ được UBND huyện Vạn Ninh phê duyệt ngày 18/8/2009.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông và internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Trên địa bàn xã có 01 điểm phục vụ bưu chính viễn thông tại thôn Nhơn Thọ để cung cấp dịch vụ bưu chính và viễn thông với cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định.

- Cả 8/8 thôn đều được phủ sóng mạng Internet để người dân sử dụng.

- Có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn đáp ứng yêu cầu trong việc truyền tải các thông tin, chủ trương của Đảng, Chính sách pháp luật của nhà nước và các thông tin kinh tế - xã hội của địa phương.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: UBND xã đã triển khai sử dụng phần mềm điện tử Eoffice trong công tác quản lý, điều hành và sử dụng trong việc thực hiện nhiệm vụ về Quản lý nhà nước. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ công chức ngày càng tiến bộ, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính hiện nay.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Không có nhà tạm, dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định là $\geq 75\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- *Khối lượng thực hiện:*

+ Hiện nay trên địa bàn xã Vạn Khánh không còn nhà tạm, dột nát.

+ Số hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ xây dựng là 2.254/2.254, đạt 100%.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2021 ≥ 41 triệu đồng/người/năm.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:* Địa phương đã tập trung chỉ đạo ưu tiên các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, các mô hình có hiệu quả như: Nuôi Bò lai sinh sản, nhân giống lúa, nuôi gà thả vườn, dưa hấu xen vụ... đã mang lại hiệu quả. Khuyến khích liên kết, liên doanh trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

- *Khối lượng thực hiện:* Thu nhập bình quân của toàn xã năm 2021 đạt 42,864 triệu đồng/người/năm.

- *Kinh phí thực hiện:* 20 triệu đồng.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Thu nhập.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 $\leq 7\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:* Công tác giảm nghèo luôn được quan tâm. Chính quyền và các đoàn thể chính trị ở xã đã phối hợp tốt với Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện tạo điều kiện để hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn vay vốn xây dựng các công trình, hạng mục thiết yếu phục vụ đời sống; đầu tư phát triển sản xuất, tăng thu nhập.

- *Khối lượng thực hiện:* Năm 2021, trên địa bàn xã Vạn Khánh có 43 hộ nghèo trên tổng số 2.254 hộ, chiếm tỷ lệ 1,91%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí Hộ nghèo.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:* Địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động. Trong đó, đã khuyến khích các gia đình có con em trong độ tuổi không vào đại học, cao đẳng tập trung học nghề, nhất là các nghề có thể trực tiếp tham gia lao động tại địa phương.... Vận động nhân dân đầu tư cơ sở sản xuất, mở các dịch vụ chế biến tiêu thụ nông sản như sản xuất chả cá, bún, bánh, dịch vụ làm đất, thu hoạch...tạo ngày càng nhiều việc làm cho lao động.

- *Khối lượng thực hiện:* Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là 3.877/3.957 người, đạt 97,98%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí Lao động có việc làm.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hợp tác xã nông nghiệp Vạn Khánh đã được kiện toàn hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Bộ máy quản lý Hợp tác xã được thiết lập đầy đủ và trên thực tế tổ chức điều hành khá hiệu quả.

- Hợp tác xã hoạt động chủ yếu về lĩnh vực nông nghiệp như: Dịch vụ làm đất, dịch vụ nông giang, dịch vụ thu hoạch phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp

của địa phương. Ngoài ra, Hợp tác xã tổ chức liên kết với các cơ sở thu mua lúa, đảm bảo ổn định đầu ra cho người nông dân.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 25\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Xã Vạn Khánh được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) là 139/139 học sinh, đạt 100%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 3.567/3.877 người, đạt 92%.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm đạt $\geq 85\%$.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 31,4\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Hoạt động khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Tỷ lệ người dân thực tế thường trú tại địa phương tham gia Bảo hiểm y tế là 8.091/8.091 người chiếm 100%.

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công nhận là xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2018 tại Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 19/4/2019.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) 36/437 trẻ, chiếm tỷ lệ 8,23%.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Y tế.

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:* Địa phương đã tập trung chỉ đạo xây dựng các thiết chế văn hóa, nâng cao chất lượng các phong trào xây dựng “Làng văn hoá”, “Gia đình văn hoá”.

- *Khối lượng thực hiện:* Hiện nay toàn xã có 8/8 thôn được Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh công nhận đạt thôn Văn hóa tại Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 20/11/2020, đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí Văn hóa.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định $\geq 95\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch).

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 60\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh là 2.254/2.254 hộ đạt 100%, hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia 1.175/2.254 hộ đạt 52,13%; trong đó có 364 hộ đã đăng ký sử dụng nước từ Nhà Máy nước Tu Bông, nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nên Công ty cổ phần công trình đô thị Vạn Ninh chưa thi công lắp đặt đồng hồ cấp nước cho người dân.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản qua kiểm tra đều đạt chuẩn về môi trường và không gây ô nhiễm, đạt 100% (7/7 cơ sở).

- Kết hợp với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xanh- sạch- đẹp nhiều năm qua đã trở thành thường xuyên của cán bộ và nhân dân toàn xã. Đến nay, các trục giao thông trên địa bàn, nhân dân hưởng ứng trồng nhiều cây xanh, nhiều tuyến đường hoa, bồn hoa khu công cộng đã

góp phần tạo cảnh quang xanh - sạch- đẹp; không có hoạt động làm suy giảm môi trường.

- Trên địa bàn xã Vạn Khánh có quy hoạch xây dựng nghĩa trang Bắc Vân Phong, hiện tại đã được Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong lập, phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 và đang kêu gọi đầu tư.

- Việc xử lý chất thải, rác thải bảo đảm mang tính thường xuyên. Phong trào toàn dân thu gom xử lý rác thải những năm gần đây đã đi vào nếp, không có rác đọng. Hiện nay xã thực hiện hợp đồng với công ty thu gom rác thải trên toàn bộ 08 thôn trên địa bàn xã, đảm bảo vệ sinh môi trường cho địa phương.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 100% (2.254/2.254 hộ).

- Các hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100% (182/182 hộ).

- Các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm.

2.18. Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh".
- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- + Số lượng cán bộ, công chức đạt chuẩn: 20/20 (đạt 100%).
- + Có đủ các tổ chức hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- + Đảng bộ xã được Huyện ủy Vạn Ninh công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2021.
- + Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đều đạt tốt trở lên.
- + Đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- + Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; các hoạt động bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực liên quan

đền đời sống gia đình và xã hội luôn được quan tâm, triển khai thực hiện bảo đảm, ngày càng hiệu quả.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

2.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh.

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xây dựng lực lượng dân quân “*Vững mạnh, rộng khắp*” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (*ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút*) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

- Hàng năm, Công an xã đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến trở lên.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

* *Về Quốc phòng:*

+ Ban chỉ huy Quân sự xã tham mưu tốt cho Đảng ủy xã Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; tham mưu tốt cho Ủy ban nhân dân xã Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương hàng năm. Theo đó, việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về quốc phòng được đảm bảo.

+ Trong năm 2021, kết quả phát triển dân quân: 21/21 đồng chí; cho ra luân phiên 12/12 đồng chí. Huấn luyện dân quân đạt 100% quân số. Dân quân của xã hiện có 83 đồng chí, được biên chế đủ các lực lượng theo quy định, sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ khi có yêu cầu.

+ Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, trong năm 2021 địa phương đã giao 20/20 thanh niên đạt 100%.

* *Về An ninh:*

+ Công an xã đã chủ động tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã kịp thời ban hành Nghị quyết, Chương trình lãnh đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự và phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” năm 2021 trên địa bàn xã. Lực lượng Công an xã đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên phối hợp với các lực lượng nâng cao hiệu quả trong công tác bảo đảm ANTT. Do đó, không xảy ra vụ, việc khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp; tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật được kéo giảm, không có trọng án xảy ra; các tụ điểm tệ nạn xã hội được triệt xóa; phong trào “*Toàn dân bảo vệ ANTO*” ngày càng được nâng lên, mô hình “*Xóm đạo bình yên*” tại thôn Diêm Điền, mô hình “*Tổ tuần tra tiếng keng*”

an ninh” tại thôn Hội Khánh Đông thường xuyên được củng cố và hoạt động hiệu quả.

+ Qua xét các tiêu chuẩn xã đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an thì các thôn và xã Vạn Khánh được công nhận xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

c) *Đánh giá:* Đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh.

3. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tổng kinh phí huy động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Vạn Khánh là 101.022 triệu đồng.

Trong đó:

| | |
|-------------------------|------------------------|
| + Ngân sách Trung ương | : 8.998,0 triệu đồng; |
| + Ngân sách tỉnh | : 26.195,9 triệu đồng; |
| + Ngân sách huyện | : 38.803,4 triệu đồng; |
| + Ngân sách xã | : 19.311,1 triệu đồng; |
| + Vốn lồng ghép | : 25,3 triệu đồng; |
| + Vốn tín dụng | : 7.525,0 triệu đồng; |
| + Vốn nhân dân đóng góp | : 163,3 triệu đồng. |

- Tính đến thời điểm thẩm tra, UBND xã Vạn Khánh không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN.

1. Về hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Vạn Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Vạn Khánh được UBND huyện Vạn Ninh thẩm tra đạt chuẩn tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình xây dựng nông thôn mới:

Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh đánh giá xã Vạn Khánh không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình xây dựng nông thôn mới (tính đến thời điểm thẩm tra).

III. KIẾN NGHỊ.

Xã Vạn Khánh đủ điều kiện để thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2021. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- VPĐPNTM tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TV BCĐ NTM huyện;
- Phòng kinh tế;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Phương

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**Xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa***(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../2021 của UBND huyện Vạn Ninh)*

| Sst | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | DV/T | Tiêu chuẩn đạt | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|-------------------------------------|--------------|---|------|------------------------|----------------------------|----------------------------|
| I. QUY HOẠCH | | | | | | |
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện quy hoạch | | Đạt | Đạt | Đạt |
| II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI | | | | | | |
| 2 | Giao thông | 2.1. Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. | % | 100% | 100% (11.977/11.977m) | Đạt |
| | | 2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. | % | 70% | 100% (13.017/13.017 m) | Đạt |
| | | 2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. | % | 100% (cứng hóa 70%) | 88,76% (8.780/9.892 m) | Đạt |
| | | 2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. | % | 70% | 92,77% (4.880/5.260 m) | Đạt |
| 3 | Thủy lợi | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động. | % | 80% | 100% | Đạt |
| | | 3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| 4 | Điện | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. | % | Đạt 98% | Đạt 100% | Đạt |

| Stt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | ĐVT | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|-----|------------------------------------|--|-----|----------------------|----------------------------|----------------------------|
| 5 | Trường học | Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia. | % | 70% | 100% (4/4 trường) | Đạt |
| 6 | Cơ sở vật chất văn hóa | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. | % | 100% | 100% (8/8 thôn) | Đạt |
| 7 | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa | | Đạt | Đạt | Đạt |
| 8 | Thông tin và Truyền thông | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 8.2. Có dịch vụ viễn thông, internet | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| 9 | Nhà ở dân cư | 9.1. Nhà tạm, dột nát. | | Không | Đạt | Đạt |
| | | 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định. | % | >=75% | 100% (2.254/2.254 nhà) | Đạt |

| Stt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | DVT | Tiêu chuẩn đạt | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|--|----------------------|---|------------|--------------------|-------------------------------|----------------------------|
| III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT | | | | | | |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 \geq 41 triệu (triệu đồng/người/năm). | Triệu đồng | Năm 2021 \geq 41 | 42,864 | Đạt |
| 11 | Hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều | % | \leq 7% | 1,91% (43/2.254 hộ) | Đạt |
| 12 | Lao động có việc làm | Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động. | % | \geq 90% | 97,98% (3.877/3.957 người) | Đạt |
| 13 | Tổ chức sản xuất | 13.1. Có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 13.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG | | | | | | |
| 14 | Giáo dục và Đào tạo | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp). | % | \geq 70% | 100% (139/139 học sinh) | Đạt |
| | | 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo | % | \geq 25% | 92% (3.567/3.877 người) | Đạt |

| Stt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | ĐVT | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|-----|---------------------------------|--|-----|----------------------|-----------------------------|----------------------------|
| 15 | Y tế | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế | % | >=85% | 100% (8.091/8.091 người) | Đạt |
| | | 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi). | % | ≤31,4% | 8,23% (36/437 trẻ) | Đạt |
| 16 | Văn hoá | Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định | % | >=70% | 100% (8/8 thôn) | Đạt |
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định. | % | ≥ 95% (≥ 50% NS) | NHVS: 100% NS: 52,13% | Đạt |
| | | 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. | % | 100% | 100% (7/7 cơ sở) | Đạt |
| | | 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. | % | ≥70% | 100% (2.254/2.254 hộ) | Đạt |
| | | 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. | % | ≥60% | 100% (182/182 hộ) | Đạt |
| | | 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | % | 100% | 100% | Đạt |

| S/tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | DVT | Tiêu chuẩn đạt | Kết quả đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|------------------------------|--|--|-----|----------------|-------------------------|----------------------------|
| V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ | | | | | | |
| 18 | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên. | % | 100% | 100% | Đạt |
| | | 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| 19 | Quốc phòng và An ninh | 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giám liên tục so với các năm trước. | | Đạt | Đạt | Đạt |

